

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2025
V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.
- Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1980; cư trú tại khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1968; cư trú tại khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày: Bà và ông Đặng Văn S sống chung với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau thì giữa bà và ông Sơn S1 hạnh phúc đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa bà và ông S luôn bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày dẫn đến bà và ông S thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Bà và ông S không còn chung sống với nhau; không còn tình cảm gì với nhau nên nay bà yêu cầu Toà án không công nhận bà và ông S là

vợ chồng.

Trong thời gian chung sống giữa bà và ông S có hai người con chung gồm Đặng Thị H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1998 và Đặng Văn H1, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003. Hiện nay các con đã thành niên và không có nhược điểm gì về tinh thần nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Bà không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung của bà và ông S. Hiện nay bà và ông S không nợ tài sản gì của ai.

Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn S vắng mặt nhưng tại bản tự khai, biên bản hoà giải ông Đặng Văn S trình bày: Ông và bà Trương Thị Đ sống chung với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau thì giữa ông và bà Đ sống hạnh phúc đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa ông và bà Đ luôn bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày dẫn đến ông và bà Đ thường xuyên xảy ra kinh cãi với nhau. Ông và bà Đ không còn chung sống với nhau nên nay bà Đ yêu cầu không công nhận ông và bà Đ là vợ chồng thì ông đồng ý.

Trong thời gian chung sống giữa ông và bà Đ có hai người con chung gồm Đặng Thị H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1998 và Đặng Văn H1, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003. Hiện nay các con đã thành niên và không có nhược điểm gì về tinh thần nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Ông không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung của ông và bà Đ. Hiện nay ông và bà Đ không nợ tài sản gì của ai.

Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 14, 15; khoản 2 Điều 53; các điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S là vợ chồng; đối với các con chung của bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S là Đặng Thị H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1998 và Đặng Văn H1, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003 đều đã thành niên; bà Đ và ông S không yêu cầu gì về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ

về tài sản chung và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Nguyên đơn bà Trương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp liên quan đến yêu cầu không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn ông Đặng Văn S cư trú tại khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đặng Văn S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Đặng Văn S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Từ năm 2022 đến nay, giữa bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa bà Đ và ông S luôn bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày dẫn đến bà Đ và ông S thường xuyên xảy ra xích mích với nhau. Hiện nay bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S không còn chung sống với nhau. Nay bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận bà Đ và ông S là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 cho đến nay nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét không công nhận bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S có hai người con chung là chị Đặng Thị H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1998 và anh Đặng Văn H1, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003. Đối với các con chung của bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S là Đặng Thị H và Đặng Văn H1 đều đã thành niên; bà Đ và ông S đều không yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung: Bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Đ.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S là vợ chồng.
3. Về con chung: Các con chung của bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S là chị Đặng Thị H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1998 và anh Đặng Văn H1, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003 đều đã thành niên. Bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S đều không yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xét.
4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung: Bà Trương Thị Đ và ông Đặng Văn S đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trương Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Trương Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002926 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị Đ có mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 17 tháng 01 năm 2025). Bị đơn ông Đặng Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

